

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HS-ST
Ngày 21 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Chí Tình và ông Hoàng Công Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị D, sinh ngày 18/3/1984, tại xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình)

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nhân viên thư viện; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thừa V, sinh năm 1957 và bà Trương Thị D, sinh năm 1961; có chồng Nguyễn T và 02 con, con lớn sinh năm: 2008, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Phan Thị P, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 04/4/2018, Nguyễn Thị D đi đến Trường tiểu học Q để họp Hội đồng nhà trường. Sau đó D đi lên phòng làm việc của mình, khi đến tầng 2 nhà Hiệu bộ thì D thấy phòng làm việc của chị Phan Thị P mở cửa nhưng không có ai ở trong phòng. Lúc này, D nghe tiếng chuông điện thoại của chị P nên D đi vào lấy điện thoại để đưa cho chị P. Khi đi vào D nghe tiếng chuông điện thoại trong túi

xách có các họa tiết màu đỏ để ở trên bàn làm việc, D mở túi xách thì thấy có 01 (một) ví da màu nâu. Quan sát xung quanh không có người nên D đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, D lấy chiếc ví da khỏi túi xách và mở ví lấy trộm 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), bao gồm 04 tờ Polyme mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). D mang số tiền trộm cắp được cất giấu trong túi xách tại phòng làm việc của mình, rồi xuống tầng 01 nhà Hiệu bộ để tham gia họp Hội đồng. Sau đó, D mang số tiền trộm cắp được về nhà cất giấu.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị D còn khai nhận: Vào khoảng 07 giờ ngày 29/3/2018, D đi đến phòng làm việc của mình tại Trường tiểu học Q. Đến 08 giờ cùng ngày, D từ phòng làm việc của mình đến phòng họp Hội đồng tầng 01 dãy nhà Hiệu bộ để làm việc với đoàn kiểm tra Phòng cháy, chữa cháy. Trên đường đi Duyên đi vào phòng kế toán ở tầng 2 của nhà Hiệu bộ để gọi chị Phan Thị P cùng xuống làm việc nhưng phòng không khoá cửa và không có chị P. Lúc này, D đứng ở cửa và nhìn thấy trên bàn làm việc của chị P có 01 chiếc điện thoại di động và 01 túi xách có họa tiết màu đỏ. Quan sát xung quanh không có người nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau đó, D đi đến vị trí đặt túi xách thì thấy túi xách không đóng nắp, bên trong có 01 chiếc ví da màu nâu. D lấy chiếc ví da ra khỏi túi xách và mở ví thì phát hiện có nhiều tiền nên đã lấy trộm 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), bao gồm 12 tờ Polyme mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). D mang số tiền vừa trộm cắp được cất giấu ở hộc bàn đựng máy tính trong phòng làm việc của mình, rồi xuống họp tại phòng Hội đồng. Đến chiều ngày 30/3/2018, D đến Trường tiểu học Q làm việc rồi mang số tiền trộm cắp được đưa về nhà cất giấu.

Tại Công văn số 118/TB- QT- KTNQ ngày 17/4/2018 và Công văn số 127/TB- QT- KTNQ ngày 27/4/2018 về việc xác nhận tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Q, Bắc Quảng Bình đã xác nhận: Số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), bao gồm 16 tờ Polyme mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đã tạm giữ là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã tạm giữ và ra Quyết định xử lý vật chứng số 31/CSĐT ngày 11/5/2018 trả lại tài sản là số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) cho chị Phan Thị P. Chị P đã nhận lại đầy đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại bản Cáo trạng số: 20/CT-VKSTXBĐ, ngày 11/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo từ 5% đến 7%

Bị cáo Nguyễn Thị D nhất trí với tội danh và khung hình phạt như bản Cáo trạng số: 20/CT-VKSTXBD, ngày 11/7/2018 và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị D tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 29/3/2018 đến ngày 04/4/2018 bị cáo Nguyễn Thị D đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản của chị Phan Thị P, với tổng số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị D có đầy đủ dấu hiệu của tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Bị cáo là một cán bộ, đảng viên có đầy đủ năng lực hành vi, hoàn toàn nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện đến cùng và mong muốn hậu quả xảy ra để đạt được mục đích. Bị cáo là người có sức khỏe, có công việc ổn định, có gia đình chồng con đáng lẽ bị cáo phải chịu khó lao động tạo thu nhập chính đáng nhưng chỉ vì thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên bất chấp pháp luật, cố ý phạm tội. Tuy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại, gây ảnh hưởng không tốt đến hình ảnh của người cán bộ, đảng viên trong nhà trường, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, làm cho cán bộ, nhân viên trong nhà trường nói riêng và nhân dân trên địa bàn nói chung hoang mang lo lắng trong sinh hoạt đời sống. Trường hợp phạm tội của bị cáo là do lợi dụng sự sơ hở của người bị hại trong việc quản lý, bảo vệ tài sản nên bị cáo đã lén lút, đột nhập vào phòng làm việc của chị Phương để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả và tự thú về lần phạm tội khi chưa bị ai phát hiện; bố bị cáo là thương binh hạng 4/4; trong thời gian từ ngày 29/3/2018 đến ngày 4/4/2018 bị cáo

đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Đây là những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tốt nên chưa cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà nên áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được học tập, cải tạo tại địa phương là cũng đủ nghiêm, phù hợp với chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta. Hiện bị cáo có nghề nghiệp ổn định nhưng thu nhập thấp, hiện đang nuôi con nhỏ nên chỉ khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo là 5% trong thời gian chấp hành hình phạt để sung vào công quỹ Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy điều kiện kinh tế của bị cáo khó khăn, thu nhập thấp, hiện đang nuôi hai con nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phan Thị P đã nhận lại toàn bộ số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) mà bị cáo Nguyễn Thị D trộm cắp và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 xử:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo bị khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng là 5% trong thời gian chấp hành hình phạt để sung vào công quỹ Nhà nước

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án

hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- CA thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- THADS TX B;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo và người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà